

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2024
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân.

2. Ông Nguyễn Phú Hải.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Út Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Liễu Ngọc T, sinh năm 1991; cư trú tại: tổ 14, ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Thành T1, sinh năm 1989; cư trú tại: tổ 12, ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Liễu Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Thành T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T năm 2009. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2013 đến nay. Nguyên nhân do anh T1 thường xuyên uống rượu, không có nghề nghiệp, công

việc, không lao động tạo thu nhập phụ giúp kinh tế trong gia đình. Những lúc say anh T1 gây gỗ và có hành vi đánh chị. Anh chị chung sống với cha mẹ, kinh tế do cha mẹ anh T1 trợ cấp, anh T1 sống phụ thuộc vào gia đình. Bản thân chị và gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên nhủ thuyết phục, nhiều lần cho cơ hội để sửa chữa nhưng anh T1 không thay đổi. Anh chị không còn chung sống với nhau, trong thời gian này vợ chồng không gặp nhau để hòa giải hàn gắn đoàn tụ. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: chị và anh T1 có 01 người con chung tên Nguyễn Thúy N, sinh ngày 14/10/2008 và đang sống cùng với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thành T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa: chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ vụ án theo quy định; xác định đúng tư cách đương sự, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp; xác minh thu thập tài liệu chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định; thực hiện đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Liễu Ngọc T đối với anh Nguyễn Thành T1.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Thúy N, sinh ngày 14/10/2008 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Liễu Ngọc T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Thành T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T, anh T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Liễu Ngọc T, anh Nguyễn Thành T1 tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01 ngày 18/3/2009. Xét thấy các bên có đủ điều kiện kết hôn, thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T nhận thấy: quá trình giải quyết vụ án, anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn thể hiện ý thức không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân, không có nhu cầu, nguyện vọng, thiện chí hòa giải hàn gắn, đoàn tụ. Mặt khác, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T1 và chị T thể hiện: quá trình chung sống anh T1 thường xuyên sử dụng rượu bia, không có nghề nghiệp, công việc, không lao động tạo thu nhập phát triển kinh tế và hoàn toàn sống phụ thuộc gia đình.

Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày của chị T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh T1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1.

[3] Về con chung: anh chị có một người con chung là cháu Nguyễn Thúy N, sinh ngày 14/10/2008, cháu N có nguyện vọng được sống với chị N. Xét thấy, hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; cháu N đã quen với điều kiện, môi trường sống và được chị T nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo điều kiện tốt nhất. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thúy N cho chị Liễu Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị T không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Liễu Ngọc T đối với anh Nguyễn Thành T1 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Liễu Ngọc T với anh Nguyễn Thành T1. Chị T và anh T1 không còn quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thúy N, sinh ngày 14/10/2008 cho chị Liễu Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Nguyễn Thành T1 cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Thành T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; chị Liễu Ngọc T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh T1 không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: chị Liễu Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0004614 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Tân Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hoàng Hải